

Số: 1046/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản trị kinh doanh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh;

Căn cứ đề xuất của Khoa Quản trị kinh doanh và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

- Mã số ngành đào tạo: 7340101

- Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thuộc ngành Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; phát triển kỹ năng mềm, có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc và phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; từ đó vận dụng được vào quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, tổ chức; thích ứng với sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế

MT2: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh để tổ chức điều hành, triển khai các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và có khả năng tự khởi sự và kinh doanh truyền thống và kinh doanh đa nền tảng.

b. Về kỹ năng

MT3: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn để giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới hoạt động quản trị và kinh doanh trong các tổ chức.

MT4: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp từ đó nâng cao khả năng thích nghi, hòa nhập với môi trường đa ngành, đa văn hóa phát huy tối đa năng lực cá nhân.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Đào tạo sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách sáng tạo; có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo các quy định hiện hành về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

+ Cử nhân quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu. Cử nhân Quản trị doanh nghiệp thành thạo các công cụ tin học văn phòng ứng dụng trong công tác quản trị tại cơ quan/doanh nghiệp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và vị trí việc làm sau khi ra trường

*** Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

*** Vị trí việc làm có thể đảm nhận sau ra khi ra trường**

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành

Quản trị doanh nghiệp có thể làm việc ở các lĩnh vực, chức năng thuộc các loại hình doanh nghiệp, tổ chức.

Nhóm 1: Nhân viên, chuyên viên tại các bộ phận chức năng chuyên môn: Có khả năng thích ứng trong môi trường công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức khác trong và ngoài nước; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các phòng/ban, giám đốc bộ phận và dự án, giám đốc, tổng giám đốc.

- Nhân viên kinh doanh lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, logistic, truyền thông, ...
- Nhân viên marketing, truyền thông đa kênh,...
- Nhân viên quản trị, phát triển nguồn nhân lực thuộc mọi loại hình doanh nghiệp
- Nhân viên nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế
- Nhân viên thẩm định dự án
- Nhân viên quản lý tài chính
- Nhân viên chăm sóc khách hàng,...

Nhóm 2: Doanh nhân khởi sự kinh doanh: Có khả năng khởi nghiệp, tạo lập và quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh truyền thống và đa nền tảng.

1.3. Thông tin tuyển sinh

❖ Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Đề án tuyển sinh hàng năm và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.

❖ Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

A.1. CĐR kiến thức chung

1. **CĐR 1:** Vận dụng được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.

2. **CĐR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.

3. **CĐR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

4. **CĐR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CĐR kiến thức ngành

5. **CĐR 5:** Nắm vững kiến thức từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp, tổ chức theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

6. **CĐR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của doanh nghiệp, tổ chức.

A.3. CĐR kiến thức chuyên ngành

7. **CĐR 7:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản trị của nhà quản trị các cấp để thực thi hoạt động kinh doanh như kiến thức về khởi sự và phát triển kinh doanh, đổi mới sáng tạo, đánh giá kết quả kinh doanh, kinh doanh bền vững,...

8. **CĐR 8:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về các hoạt động tác nghiệp theo lĩnh vực trong quản trị doanh nghiệp vào phân tích và thực thi được các quyết định trong quản trị doanh nghiệp như quyết định về nhân lực, marketing, chiến lược truyền thông, bán hàng...

9. **CĐR 9:** Vận dụng được các kiến thức của quản trị vào nhận diện được cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng kinh doanh sáng tạo, tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp, thực hiện được các nghiên cứu mang tính thực tiễn trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

10. **CDR 10:** Phát triển được các mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức; Xây dựng và triển khai được các kế hoạch tác nghiệp cơ bản cho doanh nghiệp, tổ chức trong bối cảnh môi trường biến động.

11. **CDR 11:** Thao tác thành thạo các công cụ kinh doanh online; công cụ thu thập và phân tích dữ liệu từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các đối tác liên quan để giải quyết các vấn đề kinh doanh.

12. **CDR 12:** Phối hợp và triển khai các kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin thị trường và môi trường kinh doanh để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các phương án và ra quyết định quản trị

13. **CDR 13:** Phối hợp, phát triển và triển khai hiệu quả các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, trao quyền và ủy quyền, giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và ra quyết định, làm việc nhóm, thuyết trình... nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội

14. **CDR 14:** Phát triển được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh và sử dụng tin học... để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Thể hiện sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật, các quy tắc đạo đức và có khả năng vận dụng linh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công việc; thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu của quản trị, điều hành trong doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của tổ chức và kỷ luật lao động; có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & GDQP, kỹ năng mềm)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15,4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6,9
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20,0
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13,1
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6,9
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11,6
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6,9
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2-3	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP, TACB1, kỹ năng mềm)	130		100

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
15	TOCC05	Toán cao cấp	3	1

16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	2
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	QTHO06	Quản trị học	2	2
6	CSCS11	Chính sách công	3	4
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	TCTH11	Thuế	3	5
2	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	6
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
1.	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương trong khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục lập trường, tư tưởng cho sinh viên, cũng như cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên trong cách nhìn nhận các vấn đề chính trị xã hội.
2.	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mac-Lênin trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
3.	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	Học phần được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
4.	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng.

5.	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
6.	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.
7.	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...
8.	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.
9.	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho

				người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.
10.	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
11.	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
12.	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị

				cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.
13.	TOĐC06	Tin học đại cương	3	Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...
14.	TOCC05	Toán cao cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về không gian véc tơ n- chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vector, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính; giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản. Học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.
15.	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.
16.	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
17.	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8	Học phần có một vai trò và ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên - thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Trong điều kiện đất nước hội nhập và phát triển, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức quốc phòng - an ninh là

				một nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết. Nó sẽ giúp cho khối đại đoàn kết toàn dân và sức mạnh dân tộc không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
18.	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
19.	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
20.	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
21.	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự đánh giá năng lực và giá trị của bản thân để đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện cách tiếp cận và ứng tuyển vào vị trí công việc mong muốn, thiết lập mục tiêu nghề nghiệp và lập kế hoạch phát triển bản thân trong tổ chức. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ khách quan trong đánh giá bản thân, sự việc, nâng cao ý thức làm việc độc lập và linh hoạt trong các nhóm làm việc khác nhau; đồng thời xây dựng bản lĩnh, sự tự tin và tinh thần cầu tiến.
22.	CSCS11	Chính sách công	3	Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

23.	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng chung về Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức để thu thập, xử lý các con số, dữ liệu “thô” gắn với lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, đồng thời phân tích và diễn giải các số liệu và đưa ra những kết luận, khuyến nghị phù hợp.
24.	QTMC02	Marketing căn bản	3	Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.
25.	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành. Qua đó, giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.
26.	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.
27.	QTHO06	Quản trị học	2	Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến

				lược, hệ thống, hội nhập và tinh hướng đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.
28.	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.
29.	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế, các chính sách của các chính phủ điều tiết các hoạt động kinh doanh quốc tế, cạnh tranh toàn cầu.
30.	TOKT05	Kinh tế lượng	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.
31.	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	Môn học cung cấp cho người học các tri thức, quy luật cơ bản, cốt lõi nhất của tâm lý con người, cơ chế vận hành của hiện tượng tâm lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Môn học giúp người học trả lời được các câu hỏi: (1) Muốn trở thành nhà kinh doanh cần có những phẩm chất và năng lực nào? (2) Làm thế nào để nắm bắt được tâm lý của người tiêu dùng và kinh doanh thành đạt? (3) Các công cụ và phương tiện tâm lý trong sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là gì? (4) Làm thế nào để sử dụng các

				công cụ, phương tiện tâm lý trong hoạt động kinh doanh có hiệu quả?...
32.	QHDL07	Địa lý kinh tế	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phân biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành.
33.	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.
34.	QTMA09	Quản trị Marketing	3	Học phần giới thiệu nội dung các công việc của chức năng quản trị marketing trong các doanh nghiệp/tổ chức gắn với quá trình quản trị marketing với 3 giai đoạn chủ yếu là xây dựng kế hoạch và chiến lược marketing; tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Các nội dung chính tập trung vào kiến thức và kỹ năng phân tích các cơ hội thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, lựa chọn chiến lược marketing, xây dựng và thực hiện các công cụ marketing. Học phần cũng đề cập đến quản trị các chính sách và biện pháp marketing cụ thể trong một chương trình marketing.
35.	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
36.	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	Là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Giúp sinh viên quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, hoàn thiện kỹ năng và sử dụng tốt các công cụ quản trị

				nguồn nhân lực, có khả năng thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực này.
37.	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp.
38.	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.
39.	QTBA01	Nhập môn Phân tích kinh doanh	3	Học phần cung cấp kiến thức và các phương pháp phân tích cơ bản thường được sử dụng trong phân tích kinh doanh để người học vận dụng vào từng đối tượng cụ thể. Xu hướng công nghệ mới để phân tích dữ liệu từ các nền tảng khác nhau cũng được cập nhật để hỗ trợ người phân tích có được những thông tin quan trọng qua thu thập được từ khách hàng, thị trường. Sinh viên được thực hành từ các bộ dữ liệu và công cụ thực tế, qua đó, họ có thể sẵn sàng trở thành những đầu mối cung cấp thông tin quan trọng cho doanh nghiệp mà sau này họ làm việc.
40.	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	Là học phần lựa chọn thuộc nhóm kiến thức ngành Quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học Ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được thiết kế với mục tiêu cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định liên quan đến thương hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị

				trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
41.	QTKD14	Thương mại điện tử	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hình thành ý tưởng và thiết kế các hệ thống thương mại điện tử.
42.	TMQT11	Logistic cơ bản	3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về logistic và hoạt động logistic trong doanh nghiệp. Là môn học nghiên cứu các vấn đề cơ bản về logistic, ngành dịch vụ logistic, dịch vụ khách hàng, vận tải và kho bãi.
43.	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết nền tảng về thị trường chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán. Học phần sẽ giới thiệu tổng quát về lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức hoạt động và phân loại của thị trường chứng khoán. Trình bày chi tiết đặc điểm và tính chất của các hàng hóa giao dịch trên thị trường như chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và chứng khoán phái sinh. Cơ chế hoạt động và giao dịch của sở giao dịch chứng khoán như nguyên tắc hoạt động, niêm yết chứng khoán, thành viên của thị trường, các loại lệnh giao dịch, và nguyên tắc khớp lệnh. Sơ lược các phương pháp phân tích và các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong phân tích và đầu tư chứng khoán.
44.	QTDM01	Digital Marketing	3	Môn học này tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.
45.	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu thiết kế một sự kiện - hội nghị một cách khoa học sao cho mang lại hiệu quả cao cho chủ thể của sự kiện - hội nghị; biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện; hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.
46.	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	Học phần Quản lý dự án đầu tư cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để quản trị dự

				án đầu tư của tư nhân và đầu tư công. Người học phải phân biệt được các giai đoạn trong chu kỳ của dự án đầu tư, những điểm quan trọng của từng giai đoạn và kiến thức để quản lý từng giai đoạn của dự án đầu tư.
47.	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	Học phần quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng. Học phần quản trị bán hàng được hệ thống hóa theo quá trình quản trị: phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng để hoạch định chiến lược bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng và xây dựng đội ngũ bán hàng, lãnh đạo và đánh giá hoạt động bán hàng. Quản trị bán hàng đưa ra khung kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong một doanh nghiệp qua đó sinh viên nắm được cách thức để điều hành hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp của một nhà quản trị bán. Dựa trên khung lý thuyết này, sinh viên sẽ có cơ sở để thực hành các hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp.
48.	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dịch vụ, quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, quản trị cầu dịch vụ, quản trị quá trình cung ứng dịch vụ, chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
49.	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	Học phần tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong marketing, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.
50.	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	Môn học tập trung vào việc ứng dụng nguyên lý marketing và quản trị marketing trong lĩnh vực dịch vụ. Môn học nghiên cứu những đặc điểm, đặc trưng của marketing dịch vụ, quản lý dịch vụ, cân bằng cung cầu dịch vụ, đánh giá chất lượng dịch vụ, đổi mới dịch vụ, sử dụng marketing dịch vụ để tối ưu hóa dịch vụ và quản trị marketing trong lĩnh vực dịch vụ. Nội dung môn học cũng tập trung vào những yếu tố đặc thù của marketing dịch vụ như hành vi khách hàng sử dụng dịch vụ; vai trò và sự tương tác cá nhân trong kinh doanh dịch vụ; marketing hỗn hợp với 7Ps trong lĩnh vực dịch vụ bao gồm các nhóm biện pháp về sản

				phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp, con người, quy trình phục vụ, hiệu suất và bằng chứng vật chất.
51.	TCTH11	Thuế	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thuế và các chính sách thuế hiện hành; Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được hệ thống chính sách thuế của Việt Nam và các nước trên thế giới. Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc liên quan đến thuế sau khi ra trường. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.
52.	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	Bản chất của marketing quốc tế là xem xét và cân đối giữa những thay đổi của các yếu tố môi trường bên ngoài với các chính sách marketing hỗn hợp của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Nhà quản trị marketing quốc tế có nhiệm vụ hệ thống hoá và thi hành các chính sách marketing nhằm đảm bảo sự thích ứng giữa khả năng của doanh nghiệp với thị trường và môi trường quốc tế để đạt được mục tiêu đề ra. Chính điều này đòi hỏi các doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường quốc tế phải đưa ra một chương trình marketing bao gồm: (i) đánh giá và lựa chọn thị trường; (ii) xác định phương thức hoạt động thích hợp và xác lập các chính sách marketing của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Vì vậy, việc hiểu biết và vận dụng marketing trong hoạt động quốc tế trở thành một nhu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp muốn.
53.	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) (định nghĩa; phân biệt PR với các khái niệm liên quan như quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền; vai trò, chức năng, lịch sử phát triển của PR; yêu cầu đối với người làm PR...); các nguyên lý PR; các hoạt động PR; mối quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông... thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông, cách lập danh bạ nhà báo, tổ chức các chương trình cho báo chí, cách tổ chức họp báo, tổ chức hội nghị khách hàng, viết thông cáo báo chí và kỹ năng trình bày, thuyết trình.
54.	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách

				thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định...
55.	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về quy trình nghiên cứu thị trường, các dạng nghiên cứu thị trường cụ thể, các phương pháp nghiên cứu thị trường, dữ liệu cần thu thập trong nghiên cứu thị trường. Đồng thời giúp sinh viên kỹ năng: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, sử dụng thành thạo phần mềm SPSS, Excel trong phân tích mô tả dữ liệu thị trường. Qua đó, sinh viên có thái độ tích cực nghiên cứu, tìm tòi không ngừng, chủ động và có trách nhiệm với công việc
56.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về một đề tài sinh viên đã lựa chọn trên cơ sở sự tư vấn của giáo viên hướng dẫn. Qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm tài liệu, chọn lọc và sắp xếp vấn đề để hoàn thành sản phẩm cuối cùng là khóa luận tốt nghiệp thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.
57.	QTTN01	Quản trị chiến lược ứng dụng	3	Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
58.	QTTN05	Quản trị thương hiệu ứng dụng	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về Quản trị thương hiệu và ứng dụng các công cụ, phương tiện để thực hiện các kế hoạch xây dựng và phát triển thương hiệu của tổ chức hay doanh nghiệp.
59.	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp với một đề tài lựa chọn từ danh mục định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Đội ngũ cố vấn học tập của Khoa Quản trị kinh doanh thường xuyên gặp mặt và tư vấn online cho sinh viên về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện... Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập cũng hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút và có sự liên hệ chặt chẽ với gia đình sinh viên. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện hỗ trợ cho sinh viên học tập và rèn luyện trong thời gian học tập cũng như sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp kết hợp chặt chẽ và thường xuyên với Khoa để hỗ trợ sinh viên nghe các chuyên đề thực tế, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; viết chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp; tư vấn và đồng hành trong các hoạt động khởi nghiệp... Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo và cho đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp của Khoa QTKD như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Vị trí công tác
1.	Vũ Thị Minh Luận	TS	Trưởng Khoa
2.	Trịnh Tùng	TS	Phó trưởng khoa
3.	Lâm Thùy Dương	TS	Giảng viên
4.	Nguyễn Thị Phương Anh	TS	Giảng viên
5.	Đàm Thị Hiền	TS	Giảng viên
6.	Lưu Hữu Văn	TS	Giảng viên
7.	Nguyễn Lan Anh	TS	Giảng viên
8.	Nguyễn Văn Quân	ThS	Giảng viên
9.	Lê Thị Thanh Huyền	TS	Giảng viên

10.	Phùng Đình Vịnh	TS	Giảng viên
11.	Phạm Hoàng Cường	ThS	Giảng viên
12.	Nguyễn Tuấn Tài	ThS	Giảng viên
13.	Lê Thị Hoài Thương	ThS	Trợ lý Khoa
14.	TS. Nguyễn Việt Anh	Tổng giám đốc Fleur de Lys Hospitality	Hướng dẫn sinh viên thực chiến về Quản trị kinh doanh du lịch
15.	Thầy Lê Mạnh Cường	CEO Empower Vietnam	Hướng dẫn thực tế tại doanh nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng quản trị và thực chiến, quản trị doanh nghiệp quốc tế
16.	Thầy Phan Bảo Long	Founder, CEO LMS Academy	Hướng dẫn thực tế về khởi nghiệp và marketing thực chiến
17.	Thầy Nguyễn Tất Thành	Chủ tịch Siêu thị Đức Thành	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; QTNS; Khởi nghiệp
18.	Thầy Nguyễn Thành Minh	Tổng thư ký HH Quảng cáo Hà Nội	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; Marketing; Khởi nghiệp
19.	Thầy Lê Anh Cường	CEO Vườn ươm Best B	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Marketing thực chiến; Khởi nghiệp
20.	Thầy Lê Thành Trung	Phó Giám đốc Công ty 3M	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; Khởi nghiệp, các hoạt động của CLB
21.	Thầy Lê Văn Khương	Giám đốc TT hỗ trợ DN vừa và nhỏ phía Bắc	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên những vấn đề pháp lý của DN
22.	Thầy Vi Tiến Cường	Chuyên gia QTNS, Hiệp hội nhân sự VN	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; QTNS
23.	Thầy Hà Anh Tuấn	CEO Vinalink và The Vuon	Giảng dạy Digital Marketing; Khởi nghiệp
24.	Thầy Trần Duy Khanh	Giám đốc Viện đào tạo doanh nhân APEC	Giảng dạy kỹ năng khởi nghiệp, Ban cố vấn CLB Startup và Marketing
25.	Thầy Nhữ Đình Tú	CEO Tifood 24h	Hướng dẫn sinh viên thực chiến kinh doanh, phát triển kênh phân phối sản phẩm
26.	Cô Vũ Thúy Hạnh	Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình	Giảng dạy Quản trị kinh doanh du lịch, thiết kế và tổ chức tour
27.	Thầy Nguyễn Trung Dũng	Tổng giám đốc Net Media	Giảng dạy tổ chức sự kiện, truyền thông và marketing số

28.	Cô Dương Tử Quỳnh	Giám đốc Công ty Duong Media	Giảng dạy Digital Marketing, Truyền thông số
29.	Cô Phan Hương	Giám đốc Công ty Phan Media	Giảng dạy PR, Event, Truyền thông số
30.	Thầy Phạm Hải Bằng	Chairman & CEO Công ty Bluetour	Giảng dạy Kinh doanh du lịch, lữ hành, E-tourism

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ Startup and Marketing (SMC), câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa QTKD và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, Chương trình Vua bán hàng thường niên... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng các hoạt động cọ sát thực tế với sinh viên ngành QTKD, chẳng hạn tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội...), qua đó cũng góp phần quảng bá thương hiệu của Khoa nói riêng và Học viện Chính sách và phát triển nói chung.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa QTKD còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến lĩnh vực QTKD. Ví dụ như: Chuyên đề về thuế, truyền thông thương hiệu, quản trị kinh doanh trong thời đại 4.0...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Gắn đào tạo với NCKH là nhiệm vụ quan trọng mà Học viện Chính sách và phát triển cũng như Khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt quan tâm, nhằm góp phần

tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, cập nhật những tri thức mới, giúp cho quá trình giáo dục và đào tạo của Khoa mang hơi thở thực tiễn cuộc sống. Hàng năm, khoa QTKD thu hút được 15-20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa QTKD đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH cấp Khoa và Học viện. Các đề tài nghiên cứu đa dạng, mang tính lý luận và ứng dụng thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đã có 01 đề tài đạt giải ba tại Hội thi Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng năm 2016; 01 đề tài đạt giải ba tại Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn Học viện 2016-2017; giải Nhất đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện năm học 2021-2022; Giải Nhì đề tài sinh viên NCKH cấp Học viện năm học 2022-2023... Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

Bên cạnh đó, sinh viên của Khoa QTKD còn tham gia và đạt các giải cao trong Cuộc thi Vua bán hàng được tổ chức hàng năm, tham gia các cuộc thi khởi nghiệp như: Business Challenges 2018, 201; đạt giải Nhì toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; Giải sáng tạo toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; đạt giải Nhất toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2022; đạt giải Khuyến khích toàn quốc cuộc thi Hòa Lạc Startup Challenge 2022... Đây là cơ hội tốt cho các bạn sinh viên Khoa QTKD cọ sát thực tế, áp dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực QTKD.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận 1: Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X	X			X
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X	X			X
<i>CĐR 5</i>	X	X			
<i>CĐR 6</i>	X	X			
<i>CĐR 7</i>		X			
<i>CĐR 8</i>		X			
<i>CĐR 9</i>		X			
<i>CĐR 10</i>		X	X	X	
<i>CĐR 11</i>		X	X	X	
<i>CĐR 12</i>		X	X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>					X

4.2. Ma trận 2: Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41															
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3													x	x
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3													x	x
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			3											x	x
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			3											x	x
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2												x	x
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3											x	x
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		3												x	x
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3											x	x
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3														x	x
10	QTKN01	Phát triển Kỹ năng*	3														x	x
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x	x
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x	x
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x	x
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3											x	x
15	TOCC05	Toán cao cấp	3			3											x	x
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3													x	x
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2												x	x
2. Giáo dục quốc phòng			8															
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8															x
3. Giáo dục thể chất			6															
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2															x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2															x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2															x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20																
1	QTMC02	Marketing căn bản	3					3	3							x	x		x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2	2										x	x	x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				3	2									x		x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				3										x	x	x
5	QTHO06	Quản trị học	2					3	3							x	x	x	x
6	CSCS11	Chính sách công	3		3		2										x		x
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			3	3										x	x	x
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9																
1	TCTH11	Thuế	3				2										x	x	x
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2		2								x		x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3				2	2									x		x
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				3	2	3							x	x		x
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3				2										x		x
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3				3		3								x	x	x
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17																
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				2	3	3	4		5	x	x	x	x	x		x
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3					2	4		3	3	x	x	x	x			x
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3					2	3	4	3	4	x	x	x	x			x
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3					2	4		3		x		x	x			x
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3				2	2	3	4	3	3	x	x	x	x			x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					3	4	4		2	x	x	x	x	x	x	x
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9																
1	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3					2	3	4	3				x	x	x		x
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4		5			x	x	x		x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3				2	2		4							x		x
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3				2	2		3		3					x		x
5	TMQT11	Logistic cơ bản	3				2	2	3		3	2					x		x
6	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3					2	3	4		2					x		x
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15																
1	QTBA01	Phân tích kinh doanh	3					2		3	5	5				x	x		x
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3						3	3	4	4	x			x	x		x
3	QTDM01	Digital Marketing	3					3		3	5	5		x	x	x	x		x
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4	5	x	x	x	x	x		x
5	QTCC01	Quan hệ công chúng	3						3		3	4	x	x	x	x	x		x
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9																
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3				2			2	3	3				x	x		x
2	TCTH11	Thuế	3				2		2		3						x		x
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3			3	2			3	4	5	x	x	x	x	x		x
4	QTMS01	Marketing dịch vụ	3					3	3		4	5	x	x	x	x	x		x
5	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3				2			3	4		x	x	x	x	x		x
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10																
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	2	2	2	4	4	4	x				x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	3	2	3	4	4	5	x	x	x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	5			x	x	x	x	x	x
4	QTTN05	Quản trị thương hiệu 2	3						3	4		5		x	x	x	x	x	x
TỔNG SỐ			130																

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom: (1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6)

Sáng tạo (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 3,5 - 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Căn cứ vào chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học, xây dựng thời khóa biểu cho từng học kỳ.

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Học viện kết hợp giảng dạy trên giảng đường với học tập trực tuyến trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý trực tuyến LMS (Learning Management System) tại cổng thông tin điện tử đào tạo trực tuyến <http://lms.apd.edu.vn/> và Zoom Cloud Meetings (Zoom). Việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến không được vượt quá 20% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện sẽ xem xét và quyết định việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến của từng học phần, từng học kỳ.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức cảnh cáo cấp Học viện trở lên;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (thang điểm 4) trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

đ) Đảm bảo các điều kiện về chuẩn đầu ra theo quy định của Học viện:

- Đạt trình độ Tiếng Anh TOEIC quốc tế ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định hiện hành về Chuẩn đầu ra tiếng Anh.

- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS

e) Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Học viện;

f) Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của khoá học.

Hạng tốt nghiệp đại học được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)	Hạng tốt nghiệp
1	Từ 3,60 đến 4,00	Xuất sắc
2	Từ 3,20 đến 3,59	Giỏi
3	Từ 2,50 đến 3,19	Khá
4	Từ 2,25 đến 2,49	Trung bình khá
5	Từ 2,00 đến 2,24	Trung bình

5.2. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

a. Phương pháp dạy – học

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng

sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

- Sinh viên sẽ sử dụng phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như hoạt động nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, tiểu luận môn học, mở rộng phạm vi học tập... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động cơ khởi nghiệp.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mối quan hệ giữa các phương pháp dạy học giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra được thể hiện ở bảng ma trận sau:

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy – học	CHUẨN ĐẦU RA														
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15

Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình		x	x	x	x						x	x	x	x	x
Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp tranh luận/phản biện					x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Phương pháp công não	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Phương pháp làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
Phương pháp đóng vai						x				x	x	x		x	
Phương pháp đề tài/dự án					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp giao bài tập, kiểm tra cá nhân	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x
Phương pháp học trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

b. Phương pháp đánh giá

Đánh giá người học trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho người học.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế và các quy định hiện hành về công tác khảo thí tại Học viện, các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có thể thực hiện đánh giá trực tiếp hoặc trực tuyến trên hệ thống thi trực tuyến của Học viện.

Một số phương pháp đánh giá được áp dụng chính trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:

(1) Đánh giá chuyên cần: Đánh giá việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của người học đối với học phần đó. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đều phải áp dụng phương pháp này.

(2) Đánh giá bài tập: Người học được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa vào những tiêu chí đã được thông báo trước.

(3) Đánh giá bài thuyết trình : Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt

động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cũng được đánh giá theo tiêu chí cụ thể mà giảng viên nêu ra ở buổi học đầu tiên của học phần.

(4) Đánh giá theo hình thức tự luận : Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các chuẩn đầu ra của học phần.

(5) Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm : Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

(6) Đánh giá theo hình thức viết tiểu luận môn học: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định

(7) Đánh giá theo hình thức thi vấn đáp : Người học được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp với giảng viên được phân công đánh giá. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình.

(8) Đánh giá theo hình thức viết báo cáo: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định. Viết báo cáo thường được sử dụng sau khi người học thực hiện các bài thực hành cụ thể trong các học phần thực tế tại doanh nghiệp, học phần thực tập cuối khoá hoặc nghiên cứu một tình huống cụ thể.

(9) Đánh giá theo hình thức thực hành: Người học được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần. Phương pháp đánh giá này được áp dụng cho các học phần thực hành có áp dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành để phân tích và xử lý dữ liệu, tin ứng dụng trong kinh doanh.

(10) Đánh giá theo hình thức báo cáo khóa luận : Trong phương pháp này, người học được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên thuyết trình báo cáo khóa luận của mình trước Hội đồng, giảng viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và đặt câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi. Phương pháp đánh giá này được sử dụng trong học kỳ cuối của chương trình đào tạo để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng

và thái độ đối với những sinh viên đủ điều kiện thực hiện và bảo vệ khoá luận theo quy định.

5.3. Cách thức đánh giá kết quả học tập

* Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 03 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- + Điểm kiểm tra học phần: 20%
- + Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%
- + Điểm thi học phần: 60%

3. Công thức tính điểm học phần (HP)

$$\text{Điểm HP} = \text{Điểm KTHP} \times 20\% + \text{Điểm đánh giá của giảng viên} \times 20\% + \text{Điểm thi HP} \times 60\%$$

4. Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- + Điểm kiểm tra học phần: 20%
- + Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%
- + Điểm thi học phần: 60% gồm (Nói 15% và Viết 45%)

5. Giảng viên trực tiếp giảng dạy có trách nhiệm tính điểm học phần theo công thức trên. Điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

a) Loại đạt: Sinh viên đáp ứng đủ 02 điều kiện sau:

- **Điều kiện 1:** Điểm thi học phần > 1 (thang điểm 10)
- **Điều kiện 2:** Điểm học phần phải đạt như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,3 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,2	A	4,0
3	Từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0

5	Từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Điểm thi học phần ≤ 1 hoặc điểm học phần đạt dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Học viện cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

6. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, đã được sự đồng ý của Học viện;

b) Sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm ngay ở kỳ thi học phần kế tiếp. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

8. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà sinh viên đã đăng ký học, Học viện đã tổ chức thi học phần nhưng chưa nhận được kết quả học tập.

9. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sinh viên được chuyển điểm (bảo lưu kết quả học phần).

*** Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như khoản 4 Điều 26.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung theo thang điểm 4 dùng để xét học bổng khuyến khích học tập sau mỗi học kỳ chỉ gồm các học phần ở lần học thứ nhất có điểm thi học phần, điểm học phần lớn hơn 5,0 thang điểm 10 (*không bao gồm các học phần quy đổi điểm; học phần Giáo dục thể chất và Quốc phòng*) và thực hiện theo quy định hiện hành về xét Học bổng khuyến khích học tập của Học viện. Các học phần học kỳ phụ được tính vào điểm trung bình chung của học kỳ chính liền kề trước đó. Đối với các hình thức khen thưởng khác do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

Điểm trung bình chung học kỳ theo thang điểm 4 để xét cảnh báo, thôi học bao gồm tất cả các học phần đăng ký trong kỳ.

Điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 để xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần học.

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

- Mã số ngành đào tạo: 7340101

- Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh du lịch

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch thuộc ngành Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh du lịch trong bối cảnh mới của Việt Nam và thế giới; phát triển kỹ năng mềm, có tư duy đổi mới sáng tạo, có khả năng nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu đáp ứng theo yêu cầu của công việc và có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; từ đó vận dụng được vào quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, tổ chức; thích ứng với sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế.

MT2: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản trị, quản trị kinh doanh du lịch để tổ chức triển khai các hoạt động

quản trị kinh doanh du lịch truyền thống và trên nền tảng số.

b. Về kỹ năng

MT3: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, để giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới hoạt động quản trị và kinh doanh trong tổ chức quản lý và kinh doanh du lịch.

MT4: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp từ đó nâng cao khả năng thích nghi, hòa nhập với môi trường đa ngành, đa văn hóa phát huy tối đa năng lực cá nhân.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Đào tạo sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách sáng tạo; có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo các quy định hiện hành về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

+ Cử nhân quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu. Cử nhân Quản trị kinh doanh du lịch thành thạo các công cụ tin học văn phòng ứng dụng trong công tác quản trị tại cơ quan/doanh nghiệp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và vị trí việc làm sau khi ra trường

*** Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh du lịch tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

*** Vị trí việc làm có thể đảm nhận sau ra khi ra trường**

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch có thể làm việc, khởi nghiệp ở các lĩnh vực, chức năng thuộc các loại hình doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực du lịch như công ty

lữ hành, nhà hàng, khách sạn, resort, cơ sở lưu trú và công ty tổ chức sự kiện.

- Nhân viên kinh doanh, marketing, tiếp thị và bán sản phẩm, chăm sóc khách hàng, quản trị tổ chức sự kiện, MICE tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước
- Quản lý dịch vụ du lịch chuyên nghiệp như hướng dẫn viên du lịch, nhân viên thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, điều hành thực hiện chương trình du lịch
- Chuyên viên tư vấn du lịch trách nhiệm, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái,...
- Định hướng khởi nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, như: Kinh doanh lưu trú du lịch; Kinh doanh ăn uống; Kinh doanh vận chuyển du lịch; Kinh doanh dịch vụ bổ sung, chẳng hạn hoạt động vui chơi, giải trí, triển lãm, hỗ trợ đăng ký visa, vé máy bay và các dịch vụ hỗ trợ trong thời gian khách lưu trú khác...
- Chuyên viên tại các cơ quan nghiên cứu, quản lý du lịch tại các địa phương, sở, ban ngành phụ trách về du lịch

1.3. Thông tin tuyển sinh

- ❖ ***Đối tượng tuyển sinh:*** Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Đề án tuyển sinh hàng năm và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.
- ❖ ***Phương thức tuyển sinh:*** Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

A.1. CĐR kiến thức chung

1. **CĐR 1:** Vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.

2. **CĐR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;

3. **CĐR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

4. **CĐR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CĐR kiến thức ngành

5. **CĐR 5:** Nắm vững kiến thức từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp, tổ chức theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

6. **CĐR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của doanh nghiệp, tổ chức.

A.3. CĐR kiến thức chuyên ngành

7. **CĐR 7:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về tổ chức, quản lý, điều hành và kinh doanh du lịch vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thuộc lĩnh vực du lịch và kinh doanh du lịch.

8. **CĐR 8:** Vận dụng được các kiến thức về tổ chức, quản lý và hoạt động ngành du lịch như các kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, quản lý và phát triển các loại hình du lịch, quản trị điều hành chương trình du lịch, quản trị MICE,... vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh du lịch.

9. **CĐR 9:** Vận dụng được các kiến thức về các hoạt động tác nghiệp và các chức năng tổ chức hoạt động quản trị để vận hành và quản lý các bộ phận trong tổ chức, doanh nghiệp trong ngành du lịch.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

10. **CĐR 10:** Phát triển được các mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch; Triển khai và điều hành các công việc trong các lĩnh

vực tổ chức cung ứng dịch vụ, các hoạt động chức năng như tài chính, nhân sự, marketing của các doanh nghiệp dịch vụ, đặc biệt là du lịch.

11. **CDR 11:** Thành thạo thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong lập kế hoạch, quản lý các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch và kinh doanh du lịch như hoạt động dịch vụ tại điểm đến, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch

12. **CDR 12:** Phối hợp và triển khai các hoạt động nghiệp vụ tác nghiệp của các bộ phận chức năng trong các doanh nghiệp du lịch điển hình như khách sạn, nhà hàng, lữ hành, hướng dẫn viên...

13. **CDR 13:** Phối hợp, phát triển và triển khai hiệu quả các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, trao quyền và ủy quyền, giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và ra quyết định, làm việc nhóm, thuyết trình... nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội

14. **CDR 14:** Phát triển được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh và sử dụng tin học... để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Thể hiện sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật, các quy tắc đạo đức và có khả năng vận dụng linh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công việc; thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu của quản trị, điều hành trong doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của tổ chức và kỷ luật lao động; có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & GDQP, kỹ năng mềm)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15,4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6,9
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20,0
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13,1
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6,9
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11,6
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6,9
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2-3	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP, TACB1, kỹ năng mềm)	130		100

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4

14	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
15	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
16	THML04	Triết học Mác – Lênin	3	1
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	CSCS11	Chính sách công	3	4
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
4	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	QTHO06	Quản trị học	2	3
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
2	QTDG01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4
5	QHDL07	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3
6	QTDG02	Lịch sử văn minh thế giới	3	4
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5
2	QTMA09	Quản trị marketing	3	5
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	5

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
1.	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương trong khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục lập trường, tư tưởng cho sinh viên, cũng như cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên trong cách nhìn nhận các vấn đề chính trị xã hội.
2.	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mac-Lênin trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
3.	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
4.	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng.

5.	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
6.	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.
7.	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...
8.	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.
9.	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho

				người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.
10.	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
11.	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
12.	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh

				viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.
13.	TOĐC06	Tin học đại cương	3	Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...
14.	TOCC05	Toán cao cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về không gian véc tơ n- chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính; giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản. Học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.
15.	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.
16.	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
17.	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	Học phần có một vai trò và ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên - thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Trong điều kiện đất nước hội nhập và phát triển, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức quốc phòng - an ninh là một

				nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết. Nó sẽ giúp cho khối đại đoàn kết toàn dân và sức mạnh dân tộc không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
18.	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
19.	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
20.	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
21.	QTKN01	Phát triển kỹ năng*		Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự đánh giá năng lực và giá trị của bản thân để đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện cách tiếp cận và ứng tuyển vào vị trí công việc mong muốn, thiết lập mục tiêu nghề nghiệp và lập kế hoạch phát triển bản thân trong tổ chức. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ khách quan trong đánh giá bản thân, sự việc, nâng cao ý thức làm việc độc lập và linh hoạt trong các nhóm làm việc khác nhau; đồng thời xây dựng bản lĩnh, sự tự tin và tinh thần cầu tiến.
22.	CSCS11	Chính sách công	3	Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

23.	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng chung về Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức để thu thập, xử lý các con số, dữ liệu “thô” gắn với lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, đồng thời phân tích và diễn giải các số liệu và đưa ra những kết luận, khuyến nghị phù hợp.
24.	QTMC02	Marketing căn bản	3	Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.
25.	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành. Qua đó, giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.
26.	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.
27.	QTHO06	Quản trị học	2	Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược,

				hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.
28.	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.
29.	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế, các chính sách của các chính phủ điều tiết các hoạt động kinh doanh quốc tế, cạnh tranh toàn cầu.
30.	TOKT05	Kinh tế lượng	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.
31.	QHDL07	Địa lý du lịch Việt Nam	3	Môn học nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ. Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về du lịch, tài nguyên du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở đó vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam. Môn học này đề cập tới vấn đề qui hoạch và phát triển du lịch theo vùng ở Việt Nam qua các giai đoạn, đặc biệt là qui hoạch tổng thể du lịch Việt Nam trong tương lai

32.	QTDG01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa cũng như các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay.
33.	QTDG02	Lịch sử văn minh thế giới	3	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử các nền văn minh thế giới và ảnh hưởng của lịch sử văn minh thế giới tới du lịch.
34.	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	Môn học cung cấp cho người học các tri thức, quy luật cơ bản, cốt lõi nhất của tâm lý con người, cơ chế vận hành của hiện tượng tâm lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Môn học giúp người học trả lời được các câu hỏi: (1) Muốn trở thành nhà kinh doanh cần có những phẩm chất và năng lực nào? (2) Làm thế nào để nắm bắt được tâm lý của người tiêu dùng và kinh doanh thành đạt? (3) Các công cụ và phương tiện tâm lý trong sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là gì? (4) Làm thế nào để sử dụng các công cụ, phương tiện tâm lý trong hoạt động kinh doanh có hiệu quả?...
35.	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.
36.	QTMA09	Quản trị Marketing	3	Học phần giới thiệu nội dung các công việc của chức năng quản trị marketing trong các doanh nghiệp/tổ chức gắn với quá trình quản trị marketing với 3 giai đoạn chủ yếu là xây dựng kế hoạch và chiến lược marketing; tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Các nội dung chính tập trung vào kiến thức và kỹ năng phân tích các cơ hội thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, lựa chọn chiến lược marketing, xây dựng và thực hiện các công cụ marketing. Học phần cũng đề cập đến quản trị các chính sách và biện pháp marketing cụ thể trong một chương trình marketing.
37.	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực

				tiền doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
38.	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	Là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Giúp sinh viên quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, hoàn thiện kỹ năng và sử dụng tốt các công cụ quản trị nguồn nhân lực, có khả năng thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực này.
39.	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dịch vụ, quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, quản trị cầu dịch vụ, quản trị quá trình cung ứng dịch vụ, chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
40.	QTTQ01	Tổng quan du lịch	3	Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch, thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của 1 doanh nghiệp du lịch.
41.	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.
42.	QTMD01	Marketing du lịch	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản tổng quan về marketing du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.
43.	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	Là học phần lựa chọn thuộc nhóm kiến thức ngành Quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học Ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được thiết kế với mục tiêu cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định liên quan đến thương

				hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
44.	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	Học phần quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng. Học phần quản trị bán hàng được hệ thống hóa theo quá trình quản trị: phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng để hoạch định chiến lược bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng và xây dựng đội ngũ bán hàng, lãnh đạo và đánh giá hoạt động bán hàng. Quản trị bán hàng đưa ra khung kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong một doanh nghiệp qua đó sinh viên nắm được cách thức để điều hành hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp của một nhà quản trị bán. Dựa trên khung lý thuyết này, sinh viên sẽ có cơ sở để thực hành các hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp.
45.	QTDD01	Quản trị điểm đến	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về điểm đến du lịch bao gồm: Khái quát về điểm đến, tổ chức quản lý điểm đến, chiến lược và nội dung quy hoạch điểm đến, marketing điểm đến, cạnh tranh điểm đến, phát triển sản phẩm điểm đến, định vị điểm đến, thương hiệu điểm đến, xúc tiến điểm đến và chất lượng điểm đến du lịch.
46.	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu thiết kế một sự kiện - hội nghị một cách khoa học sao cho mang lại hiệu quả cao cho chủ thể của sự kiện - hội nghị: biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện; hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.
47.	QTLH01	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của học phần Quản trị Kinh doanh lữ hành nhằm trang bị cho người học kiến thức về cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến hỗn hợp bán và thực hiện chương trình du lịch, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá

				kinh doanh chương trình du lịch, môi trường kinh doanh và chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.
48.	QTLT01	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về về kinh doanh khách sạn, Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Tổ chức kinh doanh ăn uống của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn.
49.	QTNH01	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	Học phần tập trung làm rõ bản chất và đặc điểm của hoạt động kinh doanh nhà hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của khách tại các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch hoặc tại các cơ sở kinh doanh ăn uống riêng lẻ; Đưa ra phương pháp luận cho công tác quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào của hoạt động kinh doanh nhà hàng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về quy trình tổ chức các hoạt động kinh doanh của nhà hàng như: tổ chức xây dựng kế hoạch thực đơn, tổ chức mua hàng, tổ chức nhập hàng, tổ chức lưu trữ hàng hóa, tổ chức chế biến thức ăn và phục vụ trực tiếp trong nhà hàng.
50.	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	Học phần tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong marketing, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.
51.	QTTT02	Kinh doanh du lịch trực tuyến	3	Học phần Kinh doanh du lịch trực tuyến cung cấp những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý cách thức khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay. Nội dung học phần cũng giới thiệu và cho phép sinh viên làm quen với các website và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quản lý khách sạn và lữ hành.
52.	QTKS01	Tổ chức nghiệp vụ	3	Học phần cung cấp những kỹ năng nghiệp vụ g của bộ phận lễ tân khách sạn; quy trình phục vụ khách trong

		khách sạn		thời gian lưu trú, các dịch vụ phát sinh cước và quy trình tiếp nhận, theo dõi và xử lý. Thực hành làm thủ tục check out cho khách trên hệ thống máy tính, các dạng thanh toán của khách hàng. Chuẩn bị hóa đơn và tổng hợp hóa đơn. Đồng thời, Cung cấp các kiến thức khái quát về bộ phận buồng, quản trị và vận hành khu vực buồng, khu vực công cộng, khu vực quản lý đồ công cộng và đồ vải, khu vực giặt là...
53.	QTHD01	Quản trị nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	Môn học cung cấp hệ thống các kỹ năng nghiệp vụ cần phải có của một hướng dẫn viên du lịch, bao gồm các kỹ năng chuẩn bị trước chuyến đi, các nghiệp vụ phát sinh trong chuyến đi, các công việc hướng dẫn viên phải làm sau chuyến đi. Nếu xem môn học dưới góc độ xã hội thì đó là quá trình giao tiếp giữa người tham gia hoạt động hướng dẫn du lịch với khách du lịch nhằm tạo môi trường thuận lợi cho khách du lịch có điều kiện để cảm nhận đầy đủ và sâu sắc giá trị của tài nguyên du lịch.
54.	QTBV01	Phát triển du lịch bền vững	3	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận và thực tiễn về du lịch bền vững, là hướng phát triển du lịch nhằm đảm bảo sự hài hòa về lợi ích kinh tế của du lịch với việc bảo tồn tính đa dạng của tự nhiên và bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa nơi tiến hành du lịch. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan về thực trạng và đề xuất các định hướng phát triển cũng như đưa ra được các biện pháp kiểm soát tác động môi trường nhằm đạt được các mục tiêu của du lịch theo hướng bền vững đó.
55.	TCTH11	Tiếng Anh du lịch	3	Học phần cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về du lịch, tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình lưu trú, nhà hàng, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại, các kỳ nghỉ và lễ hội. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản.
56.	QTĐH01	Quản trị điều hành chương trình du lịch	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; Những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức chương trình du lịch, phương pháp định giá chương trình, hoạt động marketing và bán chương trình du lịch...nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các chương trình du lịch.
57.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về một đề tài sinh viên đã lựa chọn trên cơ sở sự tư vấn của giáo viên hướng dẫn. Qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm tài liệu, chọn lọc và sắp xếp vấn

				đề để hoàn thành sản phẩm cuối cùng là khóa luận tốt nghiệp thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.
58.	QTTN01	Quản trị chiến lược ứng dụng	3	Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
59.	QTTN04	Một số vấn đề đương đại về du lịch	3	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về sự phát triển của du lịch, những thách thức, cơ hội trong bối cảnh mới như chuyển đổi số, AI, ... ảnh hưởng tới sự phát triển của du lịch và các loại hình du lịch mới.
60.	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp với một đề tài lựa chọn từ danh mục định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Đội ngũ cố vấn học tập của Khoa Quản trị kinh doanh thường xuyên gặp mặt và tư vấn online cho sinh viên về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện... Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập cũng hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút và có sự liên hệ chặt chẽ với gia đình sinh viên. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện hỗ trợ cho sinh viên học tập và rèn luyện trong thời gian học tập cũng như sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp kết hợp chặt chẽ và thường xuyên với Khoa để hỗ trợ sinh viên nghe các chuyên đề thực tế, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; viết chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp; tư vấn và đồng hành trong các hoạt động khởi nghiệp... Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo và cho đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp của Khoa QTKD như sau:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh, Học vị</i>	<i>Vị trí công tác</i>
1.	Vũ Thị Minh Luận	TS	Trưởng Khoa
2.	Trịnh Tùng	TS	Phó trưởng khoa
3.	Lâm Thùy Dương	TS	Giảng viên
4.	Nguyễn Thị Phương Anh	TS	Giảng viên
5.	Đàm Thị Hiền	TS	Giảng viên
6.	Lưu Hữu Văn	TS	Giảng viên
7.	Nguyễn Lan Anh	TS	Giảng viên
8.	Nguyễn Văn Quân	ThS	Giảng viên
9.	Lê Thị Thanh Huyền	TS	Giảng viên

10.	Phùng Đình Vịnh	TS	Giảng viên
11.	Phạm Hoàng Cường	ThS	Giảng viên
12.	Nguyễn Tuấn Tài	ThS	Giảng viên
13.	Lê Hoài Thương	ThS	Trợ lý Khoa
14.	TS. Nguyễn Việt Anh	Tổng giám đốc Fleur de Lys Hospitality	Hướng dẫn sinh viên thực chiến về Quản trị kinh doanh du lịch
15.	Thầy Lê Mạnh Cường	CEO Empower Vietnam	Hướng dẫn thực tế tại doanh nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng quản trị và thực chiến, quản trị doanh nghiệp quốc tế
16.	Thầy Phan Bảo Long	Founder, CEO LMS Academy	Hướng dẫn thực tế về khởi nghiệp và marketing thực chiến
17.	Thầy Nguyễn Tất Thành	Chủ tịch Siêu thị Đức Thành	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; QTNS; Khởi nghiệp
18.	Thầy Nguyễn Thành Minh	Tổng thư ký HH Quảng cáo Hà Nội	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; Marketing; Khởi nghiệp
19.	Thầy Lê Anh Cường	CEO Vườn ươm Best B	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Marketing thực chiến; Khởi nghiệp
20.	Thầy Lê Thành Trung	Phó Giám đốc Công ty 3M	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; Khởi nghiệp, các hoạt động của CLB
21.	Thầy Lê Văn Khương	Giám đốc TT hỗ trợ DN vừa và nhỏ phía Bắc	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên những vấn đề pháp lý của DN
22.	Thầy Vi Tiên Cường	Chuyên gia QTNS, Hiệp hội nhân sự VN	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; QTNS
23.	Thầy Hà Anh Tuấn	CEO Vinalink và The Vuon	Giảng dạy Digital Marketing; Khởi nghiệp
24.	Thầy Trần Duy Khanh	Giám đốc Viện đào tạo doanh nhân APEC	Giảng dạy kỹ năng khởi nghiệp, Ban cố vấn CLB Startup và Marketing
25.	Thầy Nhữ Đình Tú	CEO Tifood 24h	Hướng dẫn sinh viên thực chiến kinh doanh, phát triển kênh phân phối sản phẩm
26.	Cô Vũ Thúy Hạnh	Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình	Giảng dạy Quản trị kinh doanh du lịch, thiết kế và tổ chức tour
27.	Thầy Nguyễn Trung Dũng	Tổng giám đốc Net Media	Giảng dạy tổ chức sự kiện, truyền thông và marketing số

28.	Cô Dương Tử Quỳnh	Giám đốc Công ty Duong Media	Giảng dạy Digital Marketing, Truyền thông số
29.	Cô Phan Hương	Giám đốc Công ty Phan Media	Giảng dạy PR, Event, Truyền thông số
30.	Thầy Phạm Hải Bằng	Chairman & CEO Công ty Bluetour	Giảng dạy Kinh doanh du lịch, lữ hành, E-tourism

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ Startup and Marketing (SMC), câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa QTKD và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, Chương trình Vua bán hàng thường niên... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng các hoạt động cọ sát thực tế với sinh viên ngành QTKD, chẳng hạn tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội...), qua đó cũng góp phần quảng bá thương hiệu của Khoa nói riêng và Học viện Chính sách và phát triển nói chung.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa QTKD còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến lĩnh vực QTKD. Ví dụ như: Chuyên đề về thuế, truyền thông thương hiệu, quản trị kinh doanh trong thời đại 4.0...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Gắn đào tạo với NCKH là nhiệm vụ quan trọng mà Học viện Chính sách và phát triển cũng như Khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt quan tâm, nhằm góp phần

tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, cập nhật những tri thức mới, giúp cho quá trình giáo dục và đào tạo của Khoa mang hơi thở thực tiễn cuộc sống. Hàng năm, khoa QTKD thu hút được 15-20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa QTKD đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH cấp Khoa và Học viện. Các đề tài nghiên cứu đa dạng, mang tính lý luận và ứng dụng thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đã có 01 đề tài đạt giải ba tại Hội thi Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng năm 2016; 01 đề tài đạt giải ba tại Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn Học viện 2016-2017; giải Nhất đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện năm học 2021-2022; Giải Nhì đề tài sinh viên NCKH cấp Học viện năm học 2022-2023... Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

Bên cạnh đó, sinh viên của Khoa QTKD còn tham gia và đạt các giải cao trong Cuộc thi Vua bán hàng được tổ chức hàng năm, tham gia các cuộc thi khởi nghiệp như: Business Challenges 2018, 201; đạt giải Nhì toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; Giải sáng tạo toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; đạt giải Nhất toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2022; đạt giải Khuyến khích toàn quốc cuộc thi Hòa Lạc Startup Challenge 2022... Đây là cơ hội tốt cho các bạn sinh viên Khoa QTKD cọ sát thực tế, áp dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực QTKD.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận 1: Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X	X			X
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X	X			X
<i>CĐR 5</i>	X	X			
<i>CĐR 6</i>	X	X			
<i>CĐR 7</i>		X			
<i>CĐR 8</i>		X			
<i>CĐR 9</i>		X			
<i>CĐR 10</i>		X	X	X	
<i>CĐR 11</i>		X	X	X	
<i>CĐR 12</i>		X	X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>					X

4.2. Ma trận 2: Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41																
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3													x	x	
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3													x	x	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			3											x	x	
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			3											x	x	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2												x	x	
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3											x	x	
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		3												x	x	
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3											x	x	
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3														x	x	
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3														x	x	
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x	x	
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x	x	
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x	x	
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3											x	x	
15	TOCC05	Toán cao cấp	3			3											x	x	
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3													x	x	
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2												x	x	
2. Giáo dục quốc phòng			8																
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8																x
3. Giáo dục thể chất			6																
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																x
4. Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20																
1	QTMC02	Marketing căn bản	3						3	3						x	x		x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3				2	2									x	x	x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					3	2								x		x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3					3									x	x	x
5	QTHO06	Quản trị học	2						3	3						x	x	x	x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	CSCS11	Chính sách công	3		3		2									x		x
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			3	3									x	x	x
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2									x	x	x
2	QTDG01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				2		2							x		x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3				2	2								x		x
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				3	2	3							x	x	x
5	QHĐL07	Địa lý du lịch Việt Nam	3				2									x		x
6	QTDG02	Lịch sử văn minh thế giới	3				2		3							x	x	x
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17															
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				2	3	3	4		5	x	x	x	x		x
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3					2	4		3	3	x	x	x	x		x
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3					2	3	4	3	4	x	x	x	x		x
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3					2	4		3		x		x	x		x
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3				2	2	3	4	3	3	x	x	x	x		x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					3	4	4		2	x	x	x	x	x	x
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	QTTQ01	Tổng quan du lịch	3				2			3	3			x	x	x		x
2	QTTTH01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4		5		x	x	x		x
3	QTBH01	Quản trị bán hàng	3				2	2	3	4						x		x
4	QTKD14	Hành vi người tiêu dùng	3				2			3		3				x		x
5	QTMD01	Marketing du lịch	3					2	3		3	2				x		x
6	QTTT02	Kinh doanh du lịch trực tuyến	3					2	3	4		2				x		x
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15															
1	QTLH01	Quản trị kinh doanh lễ hành	3					3		4	5	5			x	x		x
2	QTLT01	Quản trị kinh doanh lưu trú	3						3	3		4	x		x	x		x
3	QTNH01	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3					3		3		4		x	x	x		x
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4	5	x		x	x		x
5	QTDD01	Quản trị điểm đến	3						3		3	4	x	x	x	x		x
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	QTKS01	Tổ chức nghiệp vụ khách sạn	3					2		3	3	5		x	x	x		x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	QTTA01	Tiếng Anh du lịch	3				2		2		3	4				x	x	x
3	QTĐH01	Quản trị điều hành chương trình du lịch	3			3	2			4	4	5		x	x	x		x
4	QTHD11	Quản trị nghiệp vụ hướng dẫn	3					3	3	4	4	5		x	x	x		x
5	QTBV01	Phát triển du lịch bền vững	3				2			3	3			x	x	x		x
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	2	2	2	4	4	4	x			x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	3	2	3	4	4	5	x	x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	5			x	x	x	x	x
4	QTTN05	Một số vấn đề đương đại về du lịch	3						3	4		5		x	x	x	x	x
TỔNG SỐ			130															

Ghi chú: *Các mức độ của thang Bloom:*

(1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 3,5 - 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Căn cứ vào chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học, xây dựng thời khóa biểu cho từng học kỳ.

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Học viện kết hợp giảng dạy trên giảng đường với học tập trực tuyến trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý trực tuyến LMS (Learning Management System) tại cổng thông tin điện tử đào tạo trực tuyến <http://lms.apd.edu.vn/> và Zoom Cloud Meetings (Zoom). Việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến không được vượt quá 20% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện sẽ xem xét và quyết định việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến của từng học phần, từng học kỳ.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức cảnh cáo cấp Học viện trở lên;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (thang điểm 4) trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

đ) Đảm bảo các điều kiện về chuẩn đầu ra theo quy định của Học viện:

- Đạt trình độ Tiếng Anh TOEIC quốc tế ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định hiện hành về Chuẩn đầu ra tiếng Anh.

- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS

e) Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Học viện;

f) Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của khoá học.

Hạng tốt nghiệp đại học được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)	Hạng tốt nghiệp
1	Từ 3,60 đến 4,00	Xuất sắc
2	Từ 3,20 đến 3,59	Giỏi
3	Từ 2,50 đến 3,19	Khá
4	Từ 2,25 đến 2,49	Trung bình khá
5	Từ 2,00 đến 2,24	1 Trung bình

5.2. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

a. Phương pháp dạy – học

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên

lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

- Sinh viên sẽ sử dụng phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như hoạt động nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, tiểu luận môn học, mở rộng phạm vi học tập... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động cơ khởi nghiệp.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mối quan hệ giữa các phương pháp dạy học giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra được thể hiện ở bảng ma trận sau:

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy – học	CHUẨN ĐẦU RA														
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	CDR15
Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình		x	x	x	x						x	x	x	x	x

Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp tranh luận/phản biện					x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Phương pháp công não	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Phương pháp làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
Phương pháp đóng vai						x				x	x	x		x	
Phương pháp đề tài/dự án					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp giao bài tập, kiểm tra cá nhân	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x
Phương pháp học trực tuyến	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

b. Phương pháp đánh giá

Đánh giá người học trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho người học.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế và các quy định hiện hành về công tác khảo thí tại Học viện, các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có thể thực hiện đánh giá trực tiếp hoặc trực tuyến trên hệ thống thi trực tuyến của Học viện.

Một số phương pháp đánh giá được áp dụng chính trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:

(1) Đánh giá chuyên cần: Đánh giá việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của người học đối với học phần đó. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đều phải áp dụng phương pháp này.

(2) Đánh giá bài tập: Người học được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa vào những tiêu chí đã được thông báo trước.

(3) Đánh giá bài thuyết trình : Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt

động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cũng được đánh giá theo tiêu chí cụ thể mà giảng viên nêu ra ở buổi học đầu tiên của học phần.

(4) Đánh giá theo hình thức tự luận : Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các chuẩn đầu ra của học phần.

(5) Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm : Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

(6) Đánh giá theo hình thức viết tiểu luận môn học: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định

(7) Đánh giá theo hình thức thi vấn đáp : Người học được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp với giảng viên được phân công đánh giá. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình.

(8) Đánh giá theo hình thức viết báo cáo: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định. Viết báo cáo thường được sử dụng sau khi người học thực hiện các bài thực hành cụ thể trong các học phần thực tế tại doanh nghiệp, học phần thực tập cuối khoá hoặc nghiên cứu một tình huống cụ thể.

(9) Đánh giá theo hình thức thực hành: Người học được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần. Phương pháp đánh giá này được áp dụng cho các học phần thực hành có áp dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành để phân tích và xử lý dữ liệu, tin ứng dụng trong kinh doanh.

(10) Đánh giá theo hình thức báo cáo khóa luận : Trong phương pháp này, người học được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên thuyết trình báo cáo khóa luận của mình trước Hội đồng, giảng viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và đặt câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi. Phương pháp đánh giá này được sử dụng trong học kỳ cuối của chương trình đào tạo để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng

và thái độ đối với những sinh viên đủ điều kiện thực hiện và bảo vệ khoá luận theo quy định.

5.3. Cách thức đánh giá kết quả học tập

* Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 03 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- + Điểm kiểm tra học phần: 20%
- + Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%
- + Điểm thi học phần: 60%

3. Công thức tính điểm học phần (HP)

$$\text{Điểm HP} = \text{Điểm KTHP} \times 20\% + \text{Điểm đánh giá của giảng viên} \times 20\% + \text{Điểm thi HP} \times 60\%$$

4. Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- + Điểm kiểm tra học phần: 20%
- + Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%
- + Điểm thi học phần: 60% gồm (Nói 15% và Viết 45%)

5. Giảng viên trực tiếp giảng dạy có trách nhiệm tính điểm học phần theo công thức trên. Điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

a) Loại đạt: Sinh viên đáp ứng đủ 02 điều kiện sau:

- **Điều kiện 1:** Điểm thi học phần > 1 (thang điểm 10)
- **Điều kiện 2:** Điểm học phần phải đạt như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,3 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,2	A	4,0
3	Từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0

5	Từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Điểm thi học phần ≤ 1 hoặc điểm học phần đạt dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Học viện cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

6. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, đã được sự đồng ý của Học viện;

b) Sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm ngay ở kỳ thi học phần kế tiếp. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

8. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà sinh viên đã đăng ký học, Học viện đã tổ chức thi học phần nhưng chưa nhận được kết quả học tập.

9. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sinh viên được chuyển điểm (bảo lưu kết quả học phần).

*** Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như khoản 4 Điều 26.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung theo thang điểm 4 dùng để xét học bổng khuyến khích học tập sau mỗi học kỳ chỉ gồm các học phần ở lần học thứ nhất có điểm thi học phần, điểm học phần lớn hơn 5,0 thang điểm 10 (*không bao gồm các học phần quy đổi điểm; học phần Giáo dục thể chất và Quốc phòng*) và thực hiện theo quy định hiện hành về xét Học bổng khuyến khích học tập của Học viện. Các học phần học kỳ phụ được tính vào điểm trung bình chung của học kỳ chính liền kề trước đó. Đối với các hình thức khen thưởng khác do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

Điểm trung bình chung học kỳ theo thang điểm 4 để xét cảnh báo, thôi học bao gồm tất cả các học phần đăng ký trong kỳ. 1

Điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 để xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần học.

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

- Mã số ngành đào tạo: 7340101

- Tên chuyên ngành: Quản trị Marketing

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị marketing thuộc ngành Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức chuyên sâu quản trị marketing trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm marketing, truyền thông đa phương tiện; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh.

MT2: Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về tổ chức, triển khai các hoạt động quản trị marketing và quản trị marketing trên nền tảng số.

b. Về kỹ năng

MT3: Đào tạo cho người học có năng lực quản trị các bộ phận và lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề trong tổ chức. Có kỹ năng chuyên môn cần thiết, kỹ năng chuyên sâu về marketing, kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm thuộc lĩnh vực marketing nhằm giải quyết các vấn đề thuộc về chức năng marketing trong tổ chức.

MT4: Đào tạo cho người học có các kỹ năng mềm để phát triển bản thân từ đó nâng cao khả năng thích nghi với môi trường đa ngành, đa văn hóa.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển khả năng tự chủ trong công việc và có tinh thần trách nhiệm, có sức khỏe, bản lĩnh chính trị và đạo đức, ý thức kỷ luật và tôn trọng pháp luật nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững xã hội và cộng đồng.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ, vị trí việc làm sau khi ra trường

❖ *Khả năng học tập, nâng cao trình độ*

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

❖ *Vị trí việc làm sau khi ra trường*

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing có thể làm việc ở các công ty dịch vụ về marketing hay làm chuyên viên, quản trị marketing của các doanh nghiệp, tổ chức. Cử nhân Quản trị marketing cũng có thể làm việc tại:

- Các công ty dịch vụ về marketing (Agency): Thực hiện các công việc lập và thực thi kế hoạch quảng cáo như SEO, SEM, lập kế hoạch và thực thi sáng tạo nội dung số, lập và thực thi chiến lược marketing mạng xã hội, thực hiện kế hoạch marketing liên kết, thiết kế trải nghiệm người dùng, nghiên cứu hành vi, phân tích dữ liệu của người dùng trên nền tảng số.
- Các công ty/tổ chức về nghiên cứu thị trường: Đảm nhận các công việc nghiên cứu và phân tích thị trường, phân tích dữ liệu khách hàng.
- Các doanh nghiệp/ tổ chức sản xuất kinh doanh: Với các vị trí như phát triển sản phẩm, quản trị thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, digital marketing, truyền thông marketing, tổ chức sự kiện, nhân viên kinh doanh, chăm sóc khách hàng
- Tự lập nghiệp bằng việc khởi sự kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực Marketing, Marketing số, quảng cáo, truyền thông Marketing.
- Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu: Học bậc cao hơn để giảng dạy hoặc làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

1.3. Thông tin tuyển sinh

- ❖ **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Đề án tuyển sinh hàng năm và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.
- ❖ **Phương thức tuyển sinh:** Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

A/ Chuẩn về kiến thức

A.1. CDR chung của Học viện

1. **CDR 1:** Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.

2. **CDR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;

3. **CDR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

4. **CDR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CDR chung của ngành Quản trị kinh doanh

5. **CDR 5:** Nắm vững kiến thức từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

6. **CDR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý, kinh doanh vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của tổ chức, doanh nghiệp/ tổ chức.

A.3. CDR riêng của chuyên ngành Quản trị marketing

7. **CDR 7:** Phân tích được các bước thực hiện nghiên cứu thị trường, hành vi người tiêu dùng, quy trình bán hàng, quy trình quản trị quan hệ khách hàng để xây dựng kế hoạch marketing cho doanh nghiệp.

8. **CDR 8:** Phân tích được các nguyên lý về quản trị tổ chức sự kiện, quản trị tài chính, quản trị dự án, marketing quốc tế, phát triển thương hiệu nhằm triển khai dự án marketing nội địa và quốc tế trong các loại hình doanh nghiệp.

9. **CDR 9:** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Digital Marketing, marketing nội dung, truyền thông đa phương tiện vào xây dựng kế hoạch Marketing trên nền tảng số cho doanh nghiệp.

B/ Chuẩn về kỹ năng

10. **CDR 10:** Vận dụng các công cụ phân tích dữ liệu, nghiên cứu thị trường để phân tích các cấp độ của môi trường kinh doanh, và nội bộ doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ/tự ra các quyết định quản trị marketing.

11. **CDR 11:** Sáng tạo và thiết kế các mô hình kinh doanh cho tổ chức và doanh nghiệp, mô hình đổi mới sáng tạo đặc biệt đề xuất dưới quan điểm marketing.

12. **CDR 12:** Sáng tạo và thiết kế được các dự án nghiên cứu thị trường, kế hoạch marketing mix, truyền thông tích hợp, phát triển thương hiệu, kế hoạch nhân sự, kinh doanh, chuỗi cung ứng trong các dự án marketing cho doanh nghiệp trong các tình huống cụ thể.

13. **CDR 13:** Làm chủ, thành thạo các công cụ truyền thông đa phương tiện dựa trên nền tảng truyền thông và nền tảng số, phần mềm marketing số, phần mềm quản trị khách hàng, bán hàng, nghiên cứu thị trường.

14. **CDR 14:** Có khả năng nghiên cứu, tư duy logic, nghệ thuật, sáng tạo, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng thành thạo tin học văn phòng nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

C/ Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Hiểu biết và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu về điều hành doanh nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng, năng lực học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & QP)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15,4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6,9
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13,1
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6,9
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11,6
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6,9
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130		100

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1

16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	2
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	QTHO06	Quản trị học	2	2
6	CSCS11	Chính sách công	3	4
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTQH01	Quản trị quan hệ khách hàng	3	4
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
1.	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương trong khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới việc giáo dục lập trường, tư tưởng cho sinh viên, cũng như cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên trong cách nhìn nhận các vấn đề chính trị xã hội.
2.	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mac-Lênin trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
3.	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
4.	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh

				viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng.
5.	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
6.	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.
7.	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...
8.	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách

				thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.
9.	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.
10.	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
11.	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng

				lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
12.	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.
13.	TOĐC06	Tin học đại cương	3	Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...
14.	TOCC05	Toán cao cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về không gian véc tơ n- chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính; giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản. Học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.
15.	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.
16.	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành

				kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
17.	<i>GDQP02</i>	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8	Học phần có một vai trò và ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên - thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Trong điều kiện đất nước hội nhập và phát triển, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức quốc phòng - an ninh là một nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết. Nó sẽ giúp cho khối đại đoàn kết toàn dân và sức mạnh dân tộc không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
18.	<i>GDTC08</i>	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
19.	<i>GDTC06</i>	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
20.	<i>GDTC07</i>	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	2	Học phần GDTC có chức năng chuẩn bị thể lực cho con người để thực hiện các hoạt động do xã hội quy định. GDTC kết hợp các mặt giáo dục khác như: đức, trí, thể, mỹ nhằm phát triển con người cân đối toàn diện. Giáo dục thể chất là một hiện tượng xã hội, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người và tuân theo sự phát triển xã hội, cho nên nó mang tính lịch sử và tính giai cấp.
21.	<i>QTKN01</i>	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3	Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự đánh giá năng lực và giá trị của bản thân để đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện cách tiếp cận và ứng tuyển vào vị trí công

				việc mong muốn, thiết lập mục tiêu nghề nghiệp và lập kế hoạch phát triển bản thân trong tổ chức. Học phần này giúp sinh viên hình thành thái độ khách quan trong đánh giá bản thân, sự việc, nâng cao ý thức làm việc độc lập và linh hoạt trong các nhóm làm việc khác nhau; đồng thời xây dựng bản lĩnh, sự tự tin và tinh thần cầu tiến.
22.	CSCS11	Chính sách công	3	Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...
23.	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng chung về Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức để thu thập, xử lý các con số, dữ liệu “thô” gắn với lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, đồng thời phân tích và diễn giải các số liệu và đưa ra những kết luận, khuyến nghị phù hợp.
24.	QTMC02	Marketing căn bản	3	Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.
25.	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành. Qua đó, giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá

				trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.
26.	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.
27.	QTHO06	Quản trị học	2	Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.
28.	TOKT05	Kinh tế lượng	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.
29.	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế

				định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.
30.	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế, các chính sách của các chính phủ điều tiết các hoạt động kinh doanh quốc tế, cạnh tranh toàn cầu.
31.	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	Môn học cung cấp cho người học các tri thức, quy luật cơ bản, cốt lõi nhất của tâm lý con người, cơ chế vận hành của hiện tượng tâm lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Môn học giúp người học trả lời được các câu hỏi: (1) Muốn trở thành nhà kinh doanh cần có những phẩm chất và năng lực nào? (2) Làm thế nào để nắm bắt được tâm lý của người tiêu dùng và kinh doanh thành đạt? (3) Các công cụ và phương tiện tâm lý trong sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là gì? (4) Làm thế nào để sử dụng các công cụ, phương tiện tâm lý trong hoạt động kinh doanh có hiệu quả....
32.	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành.
33.	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp.
34.	QTQH01	Quản trị quan hệ khách hàng	3	Môn học nghiên cứu tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, đo lường marketing, tổ chức và sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng. Giúp sinh viên trả lời được câu hỏi: thế nào là CRM? CRM giúp

				doanh nghiệp đạt được gì và đạt như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong doanh nghiệp?
35.	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.
36.	QTMA09	Quản trị Marketing	3	Học phần giới thiệu nội dung các công việc của chức năng quản trị marketing trong các doanh nghiệp/tổ chức gắn với quá trình quản trị marketing với 3 giai đoạn chủ yếu là xây dựng kế hoạch và chiến lược marketing; tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Các nội dung chính tập trung vào kiến thức và kỹ năng phân tích các cơ hội thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, lựa chọn chiến lược marketing, xây dựng và thực hiện các công cụ marketing. Học phần cũng đề cập đến quản trị các chính sách và biện pháp marketing cụ thể trong một chương trình marketing.
37.	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
38.	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	Là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức. Giúp sinh viên quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, hoàn thiện kỹ năng và sử dụng tốt các công cụ quản trị nguồn nhân lực, có khả năng thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực này.
39.	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dịch vụ, quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, quản trị cầu dịch vụ, quản trị quá trình cung ứng dịch vụ, chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch

				vụ toàn cầu.
40.	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.
41.	QTBA0	Marketing nội dung	3	Học phần rèn luyện kỹ năng sử dụng internet cho các hoạt động marketing, kỹ năng sáng tạo thông điệp truyền thông, đồng thời áp dụng những kỹ năng đó vào việc lập kế hoạch nội dung nhằm đạt mục tiêu truyền thông trong một chiến dịch truyền thông cụ thể tại doanh nghiệp.
42.	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	Là học phần lựa chọn thuộc nhóm kiến thức ngành Quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học Ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được thiết kế với mục tiêu cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định liên quan đến thương hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
43.	QTKD14	Thương mại điện tử	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hình thành ý tưởng và thiết kế các hệ thống thương mại điện tử.
44.	TMQT11	Logistic cơ bản	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; các thành phần của chuỗi cung ứng và những đóng góp của các thành phần này vào hoạt động chung của chuỗi cung ứng; những chỉ số đo lường hiệu quả

				hoạt động của một chuỗi cung ứng, ý nghĩa của công nghệ thông tin trong hoạt động của chuỗi, từ đó người học có thể hiểu quản trị chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế trên thế giới hiện nay. Học phần tập trung nghiên cứu sâu về các thành phần của chuỗi cung ứng.
45.	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) (định nghĩa; phân biệt PR với các khái niệm liên quan như quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền; vai trò, chức năng, lịch sử phát triển của PR; yêu cầu đối với người làm PR...); các nguyên lý PR; các hoạt động PR; mối quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông... thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông, cách lập danh bạ nhà báo, tổ chức các chương trình cho báo chí, cách tổ chức họp báo, tổ chức hội nghị khách hàng, viết thông cáo báo chí và kỹ năng trình bày, thuyết trình.
46.	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết nền tảng về thị trường chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán. Học phần sẽ giới thiệu tổng quát về lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức hoạt động và phân loại của thị trường chứng khoán. Trình bày chi tiết đặc điểm và tính chất của các hàng hóa giao dịch trên thị trường như chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và chứng khoán phái sinh. Cơ chế hoạt động và giao dịch của sở giao dịch chứng khoán như nguyên tắc hoạt động, niêm yết chứng khoán, thành viên của thị trường, các loại lệnh giao dịch, và nguyên tắc khớp lệnh. Sơ lược các phương pháp phân tích và các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong phân tích và đầu tư chứng khoán.
47.	QTDM01	Digital Marketing	3	Môn học này tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.
48.	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	Học phần quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng. Học phần quản trị bán hàng được hệ thống hóa theo quá trình quản trị: phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng để hoạch định chiến lược bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng và xây dựng đội ngũ bán hàng, lãnh đạo và đánh giá hoạt động bán hàng. Quản trị bán hàng đưa ra khung kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong một doanh nghiệp qua đó sinh viên nắm được cách thức để điều hành hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng trong

				doanh nghiệp của một nhà quản trị bán. Dựa trên khung lý thuyết này, sinh viên sẽ có cơ sở để thực hành các hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp.
49.	QTTT01	Truyền thông marketing tích hợp	3	Học phần cung cấp các kiến thức về công cụ truyền thông marketing (IMC), quá trình quản trị truyền thông marketing và lập kế hoạch sử dụng các công cụ truyền thông marketing.
50.	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về quy trình nghiên cứu thị trường, các dạng nghiên cứu thị trường cụ thể, các phương pháp nghiên cứu thị trường, dữ liệu cần thu thập trong nghiên cứu thị trường. Đồng thời giúp sinh viên kỹ năng: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, sử dụng thành thạo phần mềm SPSS, Excel trong phân tích mô tả dữ liệu thị trường. Qua đó, sinh viên có thái độ tích cực nghiên cứu, tìm tòi không ngừng, chủ động và có trách nhiệm với công việc
51.	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	Môn học tập trung vào việc ứng dụng nguyên lý marketing và quản trị marketing trong lĩnh vực dịch vụ. Môn học nghiên cứu những đặc điểm, đặc trưng của marketing dịch vụ, quản lý dịch vụ, cân bằng cung cầu dịch vụ, đánh giá chất lượng dịch vụ, đổi mới dịch vụ, sử dụng marketing dịch vụ để tối ưu hóa dịch vụ và quản trị marketing trong lĩnh vực dịch vụ. Nội dung môn học cũng tập trung vào những yếu tố đặc thù của marketing dịch vụ như hành vi khách hàng sử dụng dịch vụ; vai trò và sự tương tác cá nhân trong kinh doanh dịch vụ; marketing hỗn hợp với 7Ps trong lĩnh vực dịch vụ bao gồm các nhóm biện pháp về sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp, con người, quy trình phục vụ, hiệu suất và bằng chứng vật chất.
52.	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu thiết kế một sự kiện - hội nghị một cách khoa học sao cho mang lại hiệu quả cao cho chủ thể của sự kiện - hội nghị: biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện; hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.
53.	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	Học phần Quản lý dự án đầu tư cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để quản trị dự án đầu tư của tư nhân và đầu tư công. Người học phải phân biệt được các giai đoạn trong chu kỳ của dự án đầu tư, những điểm quan trọng của từng giai đoạn và kiến thức để quản lý từng giai đoạn của dự án đầu tư.
54.	QTQC01	Quản trị quảng cáo	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quảng cáo và quản trị quảng cáo cũng như mối quan hệ giữa quảng cáo với các hoạt động khác, xây dựng và lập kế hoạch quảng cáo, xác lập mục tiêu và ngân sách quảng cáo, đánh giá hiệu quả quảng cáo. Sinh viên có kỹ năng thiết kế thông điệp quảng cáo, hoạch định chiến lược truyền tải thông điệp quảng cáo.

55.	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	Bản chất của marketing quốc tế là xem xét và cân đối giữa những thay đổi của các yếu tố môi trường bên ngoài với các chính sách marketing hỗn hợp của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Nhà quản trị marketing quốc tế có nhiệm vụ hệ thống hoá và thi hành các chính sách marketing nhằm đảm bảo sự thích ứng giữa khả năng của doanh nghiệp với thị trường và môi trường quốc tế để đạt được mục tiêu đề ra. Chính điều này đòi hỏi các doanh nghiệp khi tham gia vào thị trường quốc tế phải đưa ra một chương trình marketing bao gồm: (i) đánh giá và lựa chọn thị trường; (ii) xác định phương thức hoạt động thích hợp và xác lập các chính sách marketing của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Vì vậy, việc hiểu biết và vận dụng marketing trong hoạt động quốc tế trở thành một nhu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp muốn.
56.	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	Học phần tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong marketing, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.
57.	QTMD01	Marketing du lịch	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ sở lý thuyết về marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu. Quy trình xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing. Từ đó, giúp sinh viên có thể xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing mix cho tổ chức và doanh nghiệp du lịch.
58.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về một đề tài sinh viên đã lựa chọn trên cơ sở sự tư vấn của giáo viên hướng dẫn. Qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm tài liệu, chọn lọc và sắp xếp vấn đề để hoàn thành sản phẩm cuối cùng là khóa luận tốt nghiệp thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.
59.	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp với một đề tài lựa chọn từ danh mục định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.
60.	QTTN01	Quản trị chiến lược ứng dụng	3	Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản

				về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
61.	QTTN03	Digital Marketing ứng dụng	3	Học phần Digital Marketing cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về marketing điện tử và ứng dụng các công cụ, phương tiện marketing trên môi trường internet trong lĩnh vực kinh doanh điện tử như website, blog, mạng xã hội, SEO, email .. để thực hiện các kế hoạch marketing điện tử cho mô hình kinh doanh của cá nhân hay doanh nghiệp.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Đội ngũ cố vấn học tập của Khoa Quản trị kinh doanh thường xuyên gặp mặt và tư vấn online cho sinh viên về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện... Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập cũng hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút và có sự liên hệ chặt chẽ với gia đình sinh viên. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện hỗ trợ cho sinh viên học tập và rèn luyện trong thời gian học tập cũng như sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp kết hợp chặt chẽ và thường xuyên với Khoa để hỗ trợ sinh viên nghe các chuyên đề thực tế, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; viết chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp; tư vấn và đồng hành trong các hoạt động khởi nghiệp... Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo và cho đội ngũ chuyên gia hướng dẫn tại doanh nghiệp của Khoa QTKD như sau:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh, Học vị</i>	<i>Vị trí công tác</i>
1.	Vũ Thị Minh Luận	TS	Phó Trưởng Khoa
2.	Trịnh Tùng	TS	Phó Trưởng Khoa
3.	Lâm Thùy Dương	TS	Giảng viên
4.	Nguyễn Thị Phương Anh	TS	Giảng viên
5.	Đàm Thị Hiền	TS	Giảng viên
6.	Lưu Hữu Văn	TS	Giảng viên
7.	Nguyễn Lan Anh	TS	Giảng viên
8.	Nguyễn Văn Quân	ThS	Giảng viên

9.	Lê Thị Thanh Huyền	TS	Giảng viên
10.	Phùng Đình Vịnh	TS	Giảng viên
11.	Phạm Hoàng Cường	ThS	Giảng viên
12.	Nguyễn Tuấn Tài	ThS	Giảng viên
13.	Nguyễn Thị Hà	ThS	Giảng viên
14.	Lê Hoài Thương	ThS	Trợ lý Khoa
15.	TS. Nguyễn Việt Anh	Tổng giám đốc Fleur de Lys Hospitality	Hướng dẫn sinh viên thực chiến về Quản trị kinh doanh du lịch
16.	Thầy Lê Mạnh Cường	CEO Empower Vietnam	Hướng dẫn thực tế tại doanh nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng quản trị và thực chiến, quản trị doanh nghiệp quốc tế
17.	Thầy Phan Bảo Long	Founder, CEO LMS Academy	Hướng dẫn thực tế về khởi nghiệp và marketing thực chiến
18.	Thầy Nguyễn Tất Thành	Chủ tịch Siêu thị Đức Thành	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; QTNS; Khởi nghiệp
19.	Thầy Nguyễn Thành Minh	Tổng thư ký HH Quảng cáo Hà Nội	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Bán hàng; Marketing; Khởi nghiệp
20.	Thầy Lê Anh Cường	CEO Vườn ươm Best B	Hướng dẫn thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; Marketing thực chiến; Khởi nghiệp
21.	Thầy Lê Thành Trung	Phó Giám đốc Công ty 3M	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; Khởi nghiệp, các hoạt động của CLB
22.	Thầy Lê Văn Khương	Giám đốc TT hỗ trợ DN vừa và nhỏ phía Bắc	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên những vấn đề pháp lý của DN
23.	Thầy Vi Tiến Cường	Chuyên gia QTNS, Hiệp hội nhân sự VN	Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên; QTNS
24.	Thầy Hà Anh Tuấn	CEO Vinalink và The Vuon	Giảng dạy Digital Marketing; Khởi nghiệp
25.	Thầy Trần Duy Khanh	Giám đốc Viện đào tạo doanh nhân APEC	Giảng dạy kỹ năng khởi nghiệp, Ban cố vấn CLB Startup và Marketing
26.	Thầy Nhữ Đình Tú	CEO Tifood 24h	Hướng dẫn sinh viên thực chiến kinh doanh, phát triển kênh phân phối sản phẩm
27.	Cô Vũ Thúy Hạnh	Giám đốc Công ty Du lịch Hòa	Giảng dạy Quản trị kinh doanh du lịch, thiết kế và tổ chức tour

		Bình	
28.	Thầy Nguyễn Trung Dũng	Tổng giám đốc Net Media	Giảng dạy tổ chức sự kiện, truyền thông và marketing số
29.	Cô Dương Tử Quỳnh	Giám đốc Công ty Duong Media	Giảng dạy Digital Marketing, Truyền thông số
30.	Cô Phan Hương	Giám đốc Công ty Phan Media	Giảng dạy PR, Event, Truyền thông số
31.	Thầy Phạm Hải Bằng	Chairman & CEO Công ty Bluetour	Giảng dạy Kinh doanh du lịch, lữ hành, E-tourism

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ Startup and Marketing (SMC), câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa QTKD và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, Chương trình Vua bán hàng thường niên... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng các hoạt động cọ sát thực tế với sinh viên ngành QTKD, chẳng hạn tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội...), qua đó cũng góp phần quảng bá thương hiệu của Khoa nói riêng và Học viện Chính sách và phát triển nói chung.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa QTKD còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến lĩnh vực QTKD. Ví dụ như: Chuyên đề về thuế, truyền thông thương hiệu, quản trị kinh doanh trong thời đại 4.0...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Gắn đào tạo với NCKH là nhiệm vụ quan trọng mà Học viện Chính sách và phát triển cũng như Khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt quan tâm, nhằm góp phần tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, cập nhật những tri thức mới, giúp cho quá trình giáo dục và đào tạo của Khoa mang hơi thở thực tiễn cuộc sống. Hàng năm, khoa QTKD thu hút được 15-20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa QTKD đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH cấp Khoa và Học viện. Các đề tài nghiên cứu đa dạng, mang tính lý luận và ứng dụng thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đã có 01 đề tài đạt giải ba tại Hội thi Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng năm 2016; 01 đề tài đạt giải ba tại Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học toàn Học viện 2016-2017; giải Nhất đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện năm học 2021-2022; Giải Nhì đề tài sinh viên NCKH cấp Học viện năm học 2022-2023... Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

Bên cạnh đó, sinh viên của Khoa QTKD còn tham gia và đạt các giải cao trong Cuộc thi Vua bán hàng được tổ chức hàng năm, tham gia các cuộc thi khởi nghiệp như: Business Challenges 2018, 201; đạt giải Nhì toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; Giải sáng tạo toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2020; đạt giải Nhất toàn quốc cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp năm 2022; đạt giải Khuyến khích toàn quốc cuộc thi Hòa Lạc Startup Challenge 2022... Đây là cơ hội tốt cho các bạn sinh viên Khoa QTKD cọ sát thực tế, áp dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực QTKD.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận 1: Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X				
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X		X		
<i>CĐR 5</i>			X		
<i>CĐR 6</i>			X		
<i>CĐR 7</i>			X		
<i>CĐR 8</i>		X	X		
<i>CĐR 9</i>		X	X		
<i>CĐR 10</i>		X	X		
<i>CĐR 11</i>	X		X	X	
<i>CĐR 12</i>	X		X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>			X		X

4.2. Ma trận 2: Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA																	
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41																		
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3										x					x		
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3										x					x		
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			2								x					x		
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3		2									x					x		
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3	2									x					x		
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			2								x					x		
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		2									x					x		
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			2								x					x		
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3																x	x	
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3																x	x	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3																x	x	
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3																x	x	
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2													x		
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	3										x							
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3										x						x	
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2									x						x	
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3																x	x	
2. Giáo dục quốc phòng			8																		
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	3																	x
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																		x
3. Giáo dục thể chất			6																		
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																		x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																		x
4. Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20																		
1	QTMC02	Marketing căn bản	3					2	3						x	x					x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2									x						x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					2						x	x						
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3					2							x						x
5	QTHO06	Quản trị học	2					2									x				x

6	CSCS11	Chính sách công	3		2			2							x	x					x			
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3				2								x						x			
5. Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			9																					
1	QTQH01	Quản trị quan hệ khách hàng	3						3	4									x			x		
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2		2						x							x		
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3				2	2							x							x		
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				2	2	3						x									
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3				2								x							x		
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3						3						x							x		
6. Kiến thức ngành (Bắt buộc)			9																					
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3					2	3							x					x	x		
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3						3	4										x		x		
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3						3		4									x				
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3				2														x			
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3						3		4									x				
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2												x	x	x	x				x		
7. Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			20																					
1	QTCC01	Quan hệ công chúng	3						3	3										x			x	
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4	4	5								x				
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3				2	2			4				x									
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3				2	2			4										x		x	
5	QTBA01	Marketing nội dung	3								4	4	4								x	x	x	
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3						3												x			
8. Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)			9																					
1	QTDM01	Digital Marketing	3							3	3	5									x	x		
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3						3	4											x		x	x
3	QTTT01	Truyền thông marketing tích hợp	3								4	4	5								x	x	x	
4	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3								4	4									x		x	
5	QTMS01	Marketing dịch vụ	3									3	4									x		
9. Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			15																					
1	QTQC01	Quản trị quảng cáo	3						3	4												x		
2	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4											x		
3	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3				2			3	4										x			
4	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3					2	3	4	3											x		

5	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3					2	3	4	3					x		
6	QTMD01	Marketing du lịch	3						3		3					x		
10. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4				2	2	2	4	4	4		x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6				3	3	3	4	4	4		x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	4			x		x		x
4	QTTN03	Digital Marketing 2	3						3	4		5		x	x	x	x	x
TỔNG SỐ (không bao gồm GDTC & GDQP, TACB1)			130															

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom:

Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

PHẦN V: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 3,5 - 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Căn cứ vào chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học, xây dựng thời khóa biểu cho từng học kỳ.

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Học viện kết hợp giảng dạy trên giảng đường với học tập trực tuyến trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý trực tuyến LMS (Learning Management System) tại cổng thông tin điện tử đào tạo trực tuyến <http://lms.apd.edu.vn/> và Zoom Cloud Meetings (Zoom). Việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến không được vượt quá 20% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện sẽ xem xét và quyết định việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến của từng học phần, từng học kỳ.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức cảnh cáo cấp Học viện trở lên;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (thang điểm 4) trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;

đ) Đảm bảo các điều kiện về chuẩn đầu ra theo quy định của Học viện:

- Đạt trình độ Tiếng Anh TOEIC quốc tế ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định hiện hành về Chuẩn đầu ra tiếng Anh.

- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS

e) Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Học viện;

f) Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của khóa học.

Hạng tốt nghiệp đại học được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)	Hạng tốt nghiệp
1	Từ 3,60 đến 4,00	Xuất sắc
2	Từ 3,20 đến 3,59	Giỏi
3	Từ 2,50 đến 3,19	Khá
4	Từ 2,25 đến 2,49	Trung bình khá
5	Từ 2,00 đến 2,24	1 Trung bình

5.2. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

a. Phương pháp dạy - học

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên

lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình, làm việc nhóm để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

- Sinh viên sẽ sử dụng phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như hoạt động nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, tiểu luận môn học, mở rộng phạm vi học tập... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động cơ khởi nghiệp.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mối quan hệ giữa các phương pháp dạy học giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra được thể hiện ở bảng ma trận sau:

b. Phương pháp đánh giá

Đánh giá người học trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho người học.

5.3. Cách thức đánh giá kết quả học tập

*** Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 03 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- | | | |
|---|---|-----|
| + Điểm kiểm tra học phần: | 1 | 20% |
| + Điểm đánh giá của giảng viên (<i>bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên</i>): | | 20% |
| + Điểm thi học phần: | | 60% |

3. Công thức tính điểm học phần (HP)

Điểm HP = Điểm KTHP x 20% + Điểm đánh giá của GV x 20% + Điểm thi HP x 60%

4. Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau:

- + Điểm kiểm tra học phần: 20%

+ Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%

+ Điểm thi học phần: 60% gồm (Nói 15% và Viết 45%)

5. Giảng viên trực tiếp giảng dạy có trách nhiệm tính điểm học phần theo công thức trên. Điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

a) Loại đạt: Sinh viên đáp ứng đủ 02 điều kiện sau:

- **Điều kiện 1:** Điểm thi học phần > 1 (thang điểm 10)
- **Điều kiện 2:** Điểm học phần phải đạt như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,3 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,2	A	4,0
3	Từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
5	Từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Điểm thi học phần ≤ 1 hoặc điểm học phần đạt dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Học viện cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

6. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, đã được sự đồng ý của Học viện;

b) Sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm ngay ở kỳ thi học phần kế tiếp. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

8. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà sinh viên đã đăng ký học, Học viện đã tổ chức thi học phần nhưng chưa nhận được kết quả học tập.

9. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sinh viên được chuyển điểm (bảo lưu kết quả học phần).

*** Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 như khoản 4 Điều 26.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i;

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung theo thang điểm 4 dùng để xét học bổng khuyến khích học tập sau mỗi học kỳ chỉ gồm các học phần ở lần học thứ nhất có điểm thi học phần, điểm học phần lớn hơn 5,0 thang điểm 10 (không bao gồm các học phần quy đổi điểm; học phần Giáo dục thể chất và Quốc phòng) và thực hiện theo quy định hiện hành về xét Học bổng khuyến khích học tập của Học viện. Các học phần học kỳ phụ được tính vào điểm trung bình chung của học kỳ chính liền kề trước đó. Đối với các hình thức khen thưởng khác do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

Điểm trung bình chung học kỳ theo thang điểm 4 để xét cảnh báo, thôi học bao gồm tất cả các học phần đăng ký trong kỳ.

Điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 để xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần học.